

The KPMG logo is located in the top left corner of the page. It consists of the letters 'KPMG' in a bold, blue, sans-serif font. Above the letters are four small, empty rectangular boxes, which are part of the KPMG brand identity. The logo is positioned in the upper left margin of the document.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên (từ 19/4/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc (từ 1/12/2021)
Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc (đến 1/12/2021)
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc (đến 1/12/2021)
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

100
C
RÁCH
M T

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **31-03-2022**

==
NC
HIỆ
P
LIỆ
==



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31-03-2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00239-22-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **31-03-2022**

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.763.220.111.089	1.200.424.255.850
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	49.141.802.543	46.942.876.357
Tiền	111		49.141.802.543	46.942.876.357
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.153.088.004.430	740.090.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(1.021.995.570)	(1.620.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.151.500.000.000	739.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		436.734.279.494	319.043.678.960
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	329.210.862.343	227.079.005.015
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.869.933.194	5.903.948.379
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	82.653.483.957	86.060.725.566
Hàng tồn kho	140	8	113.416.231.279	71.841.731.741
Hàng tồn kho	141		115.439.796.585	71.841.731.741
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.023.565.306)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.839.793.343	22.505.968.792
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		566.699.787	458.203.270
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.273.093.556	22.047.765.522

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		474.999.118.386	501.672.808.104
Tài sản cố định	220		158.570.546.943	185.037.491.857
Tài sản cố định hữu hình	221	9	150.156.552.219	176.343.926.365
Nguyên giá	222		535.716.902.091	532.356.103.324
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(385.560.349.872)	(356.012.176.959)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.413.994.724	8.693.565.492
Nguyên giá	228		21.757.742.206	21.757.742.206
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.343.747.482)	(13.064.176.714)
Bất động sản đầu tư	230	11	6.643.511.213	6.826.104.545
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.399.654.052)	(2.217.060.720)
Tài sản dở dang dài hạn	240		482.974.725	4.542.888.283
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	482.974.725	4.542.888.283
Đầu tư tài chính dài hạn	250		198.487.708.826	198.487.708.826
Đầu tư vào công ty con	251	5(c)	198.487.708.826	198.487.708.826
Tài sản dài hạn khác	260		110.814.376.679	106.778.614.593
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	110.814.376.679	106.668.946.934
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	109.667.659
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.238.219.229.475	1.702.097.063.954

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.385.230.854.600	939.707.507.709
Nợ ngắn hạn	310		1.378.153.298.445	927.289.073.460
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	320.809.741.899	203.891.129.712
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		539.717.882	282.815.526
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	7.065.241.919	7.219.203.314
Phải trả người lao động	314		14.956.539.286	19.883.389.146
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.847.092.693	1.295.697.403
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		124.625.768	164.356.803
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	3.445.907.782	3.383.871.049
Vay ngắn hạn	320	18	1.020.605.627.753	679.568.464.744
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.643.227.667	9.572.880.967
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	1.115.575.796	2.027.264.796
Nợ dài hạn	330		7.077.556.155	12.418.434.249
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	7.077.556.155	12.418.434.249
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		852.988.374.875	762.389.556.245
Vốn chủ sở hữu	410	20	852.988.374.875	762.389.556.245
Vốn cổ phần	411	21	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	125.900.895.182	111.883.086.895
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.710.799.693	47.129.789.350
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.577.929.973	8.029.025.015
- LNST năm nay	421b		121.132.869.720	39.100.764.335
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.238.219.229.475	1.702.097.063.954

31 -03- 2022

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.697.820.401.533	2.151.155.047.548
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.992.626.790	3.253.764.484
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.693.827.774.743	2.147.901.283.064
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.588.705.516.100	2.030.725.015.092
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		105.122.258.643	117.176.267.972
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	133.384.291.962	120.649.689.407
Chi phí tài chính	22	28	32.065.370.016	33.700.064.007
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		31.019.998.989	30.812.729.077
Chi phí bán hàng	25	29	36.231.736.611	41.593.538.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	37.301.766.838	44.385.628.993
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		132.907.677.140	118.146.725.820
Thu nhập khác	31		10.109.210.546	3.943.244.163
Chi phí khác	32		7.339.486.112	44
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.769.724.434	3.943.244.119
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		135.677.401.574	122.089.969.939
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	14.030.764.195	10.460.838.593
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	109.667.659	121.225.011
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		121.536.969.720	111.507.906.335

31-03-2022

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	135.677.401.574	122.089.969.939
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	34.370.912.466	37.760.501.975
Các khoản dự phòng	03	(504.092.424)	5.879.857.388
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(523.059.911)	(17.148.122)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(122.704.295.489)	(117.126.057.324)
Chi phí lãi vay	06	31.019.998.989	30.812.729.077
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	77.336.865.205	79.399.852.933
Biến động các khoản phải thu	09	(91.111.445.235)	22.518.563.319
Biến động hàng tồn kho	10	(43.598.064.844)	46.382.945.545
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	103.426.805.135	(36.973.968.660)
Biến động chi phí trả trước	12	(4.866.396.194)	7.135.230.764
		41.187.764.067	118.462.623.901
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.909.251.359)	(30.901.356.024)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.638.859.817)	(8.972.743.893)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.781.983.090)	(16.495.453.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.142.330.199)	62.093.070.078

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(22.038.326.913)	(12.129.612.321)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.239.952.612	-
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.061.800.000.000)	(1.347.300.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	1.649.400.000.000	1.321.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(12.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	127.580.002.721	139.381.935.872
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(305.618.371.580)	89.452.323.551
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.391.207.267.011	1.846.920.720.506
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.050.170.104.002)	(1.795.267.489.548)
Tiền trả cổ tức	36	(12.077.577.000)	(193.064.481.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	328.959.586.009	(141.411.250.042)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.198.884.230	10.134.143.587
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.942.876.357	36.808.365.238
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	41.956	367.532
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	49.141.802.543	46.942.876.357

31 -03- 2022

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2021: 6 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 270 nhân viên (1/1/2021: 280 nhân viên).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

310
C
ÁCH
K
77 L

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 60 năm. Khấu hao không được tính cho các lô đất mà Tổng Công ty có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Vỏ bình gas*

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công, công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Chi phí đền bù đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng bảo hiểm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Đ. M.S.P.
★
NAM

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Doanh thu chuyển nhượng bất động sản**

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) **Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) **Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(vi) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

0100
CỔ
ÁCH NH
KPI
LIÊM

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	215.420.300	23.172.975
Tiền gửi ngân hàng	48.926.382.243	46.919.703.382
	<hr/>	<hr/>
	49.141.802.543	46.942.876.357
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	31/12/2021		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.588.004.430	(1.021.995.570)
<hr/>				
	Số lượng	1/1/2021		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	990.000.000	(1.620.000.000)

(*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.151.500.000.000	1.151.500.000.000
<hr/>		
	1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	739.100.000.000	739.100.000.000

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2021		1/1/2021			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con:								
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	40.000.000.000	-	(*)	40.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	20.000.000.000	-	(*)	20.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	27.000.000.000	-	(*)	27.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	11.487.708.826	-	(*)	11.487.708.826	-	(*)
			<u>198.487.708.826</u>	<u>-</u>		<u>198.487.708.826</u>	<u>-</u>	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	102.458.945.300	68.222.114.012
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	30.962.924.384	23.378.885.519
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	51.653.015.334	36.141.794.508
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	37.574.802.739	18.846.964.740
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	37.196.821.676	31.511.491.895
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
	30.626.481.666	23.363.134.196
Bên khác		
Các khách hàng khác		
	38.737.871.244	25.614.620.145
	329.210.862.343	227.079.005.015

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Ngoài ra, khoản phải thu thương mại từ các công ty con chịu lãi trả chậm theo thỏa thuận.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi tiền gửi	13.742.804.272	11.259.191.232
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	65.785.991.913	72.574.332.418
Phải thu người lao động	1.178.957.850	341.785.547
Phải thu ngắn hạn khác	1.945.729.922	1.885.416.369
	82.653.483.957	86.060.725.566

8. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	20.378.638.498	-	13.471.619.418	-
Nguyên vật liệu	9.967.235.620	-	11.760.510.749	-
Hàng hóa	85.093.922.467	(2.023.565.306)	46.609.601.574	-
	115.439.796.585	(2.023.565.306)	71.841.731.741	-

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	206.395.800.196	275.674.876.198	41.861.039.021	8.424.387.909	532.356.103.324
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12) Thanh lý	2.603.863.426	1.697.095.877 (2.500.716.818)	4.491.260.091 (3.035.593.809)	104.890.000	8.897.109.394 (5.536.310.627)
Số dư cuối năm	208.999.663.622	274.871.255.257	43.316.705.303	8.529.277.909	535.716.902.091
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	116.720.689.982	205.223.294.568	27.007.724.740	7.060.467.669	356.012.176.959
Khấu hao trong năm Thanh lý	10.595.892.551	18.644.571.943 (1.360.764.207)	3.601.478.766 (2.387.341.314)	454.335.174	33.296.278.434 (3.748.105.521)
Số dư cuối năm	127.316.582.533	222.507.102.304	28.221.862.192	7.514.802.843	385.560.349.872
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	89.675.110.214	70.451.581.630	14.853.314.281	1.363.920.240	176.343.926.365
Số dư cuối năm	81.683.081.089	52.364.152.953	15.094.843.111	1.014.475.066	150.156.552.219

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 140.789 triệu VND (1/1/2021: 123.050 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	10.576.243.470	11.181.498.736	21.757.742.206
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.503.219.942	10.560.956.772	13.064.176.714
Khấu hao trong năm	113.940.000	165.630.768	279.570.768
Số dư cuối năm	2.617.159.942	10.726.587.540	13.343.747.482
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	8.073.023.528	620.541.964	8.693.565.492
Số dư cuối năm	7.959.083.528	454.911.196	8.413.994.724

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 10.519 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 10.519 triệu VND).

042
TY
HỮU
G
PH

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.646.490.001	570.570.719	2.217.060.720
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.785.630.001	614.024.051	2.399.654.052
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.310.915.469	1.515.189.076	6.826.104.545
Số dư cuối năm	5.171.775.469	1.471.735.744	6.643.511.213

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ Số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.542.888.283	11.771.694.697
Tăng trong năm	4.859.923.109	10.222.133.933
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(8.897.109.394)	(2.852.264.435)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(397.523.100)
Bàn giao cho công ty con	(22.727.273)	(14.201.152.812)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	482.974.725	4.542.888.283

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Mở rộng sức chứa LPG Đà Nẵng	419.338.361	381.818.182
Xe ô tô Xi téc chở LPG	-	3.741.000.000
Các công trình khác	63.636.364	420.070.101
	<hr/>	<hr/>
	482.974.725	4.542.888.283

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Vô bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	77.107.790.812	16.483.845.529	13.077.310.593	106.668.946.934
Tăng trong năm	22.972.841.000	-	223.767.000	23.196.608.000
Phân bổ trong năm	(17.062.162.282)	(612.469.932)	(526.127.306)	(18.200.759.520)
Xuất bán cho công ty con	(850.418.735)	-	-	(850.418.735)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	82.168.050.795	15.871.375.597	12.774.950.287	110.814.376.679

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	4.749.044.950	2.089.218.604
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.593.400.575	742.855.469
Bên khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	154.951.720.403	84.576.965.022
Công ty TNHH EI Corporation	111.853.013.247	68.743.539.264
PTT International Trading PTE Ltd	19.752.169.500	23.375.114.087
Itochu Petroleum Co., PTE.Ltd	19.653.900.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Dầu khí Hà Nội	-	14.004.715.909
Các nhà cung cấp khác	8.256.493.224	10.358.721.357
	320.809.741.899	203.891.129.712

Khoản phải trả công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số bù trừ/đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	573.633.663	638.829.227.331	(639.402.860.994)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	92.376.211.878	(92.376.211.878)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.808.279.733	14.030.764.195	(12.638.859.817)	6.200.184.111
Thuế xuất nhập khẩu	529.998.405	43.831.428.623	(43.563.023.192)	798.403.836
Thuế thu nhập cá nhân	1.307.291.513	2.815.901.673	(4.056.539.214)	66.653.972
Thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
	7.219.203.314	791.893.533.700	(792.047.495.095)	7.065.241.919

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi vay	1.588.612.405	477.864.775
Trích trước chi phí hoạt động	258.480.288	817.832.628
	1.847.092.693	1.295.697.403

17. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	745.978.444	719.297.376
Cổ tức phải trả	312.451.820	322.171.820
Hàng hóa đi mượn	-	45.421.200
Phải trả ngắn hạn khác	2.387.477.518	2.296.980.653
	3.445.907.782	3.383.871.049

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2021	Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	679.568.464.744	2.391.207.267.011	(2.050.170.104.002)	1.020.605.627.753

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	491.738.693.139	346.285.488.699
Ngân hàng BNP Paribas	VND	145.171.658.856	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	108.144.905.457	28.834.874.679
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	VND	98.547.204.007	31.817.508.197
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	92.703.852.728	174.117.723.730
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	84.299.313.566	98.512.869.439
		1.020.605.627.753	679.568.464.744

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp, chịu lãi suất theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.027.264.796	5.277.175.802
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	18.466.194.090	13.245.542.900
Sử dụng trong năm	(19.377.883.090)	(16.495.453.906)
Số dư cuối năm	1.115.575.796	2.027.264.796

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	603.426.380.000	(49.700.000)	97.138.736.344	156.697.488.466	857.212.904.810
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	111.507.906.335	111.507.906.335
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.744.350.551	(14.744.350.551)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(13.245.542.900)	(13.245.542.900)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(193.085.712.000)	(193.085.712.000)
Số dư tại ngày 1/1/2021	603.426.380.000	(49.700.000)	111.883.086.895	47.129.789.350	762.389.556.245
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	121.536.969.720	121.536.969.720
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.017.808.287	(14.017.808.287)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(18.466.194.090)	(18.466.194.090)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(12.067.857.000)	(12.067.857.000)
Biến động khác	-	-	-	(404.100.000)	(404.100.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	603.426.380.000	(49.700.000)	125.900.895.182	123.710.799.693	852.988.374.875

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt trị giá 12.086 triệu VND (2020: 193.086 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	748.714.604	857.397.120

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	615,35	14.226.893	613,70	14.136.580
Euro (“EUR”)	159,09	4.008.846	147,17	4.110.900
		<u>18.235.739</u>		<u>18.247.480</u>

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021	2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	2.676.965.710.634	2.115.516.040.963
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.796.715.312	8.686.107.731
▪ Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	14.691.855.645
▪ Doanh thu cho thuê	4.376.452.951	4.352.905.484
▪ Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	7.681.522.636	7.908.137.725
	<u>2.697.820.401.533</u>	<u>2.151.155.047.548</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.992.626.790)	(3.253.764.484)
Doanh thu thuần	<u>2.693.827.774.743</u>	<u>2.147.901.283.064</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2021	2020
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	2.574.908.364.799	2.003.137.671.900
▪ Cung cấp dịch vụ	9.866.604.647	10.716.082.071
▪ Chuyển nhượng bất động sản	-	14.201.152.812
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.906.981.348	2.670.108.309
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.023.565.306	-
	<hr/> 2.588.705.516.100	<hr/> 2.030.725.015.092

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	50.427.011.997	43.180.657.839
Lợi nhuận được chia	72.848.263.259	73.945.399.485
Lãi bán hàng trả chậm	6.016.684.973	385.930.918
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.569.271.822	3.120.553.043
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	523.059.911	17.148.122
	<hr/> 133.384.291.962	<hr/> 120.649.689.407

28. Chi phí tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	31.019.998.989	30.812.729.077
Chi phí mua hàng trả chậm	719.946.643	691.095.935
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(598.004.430)	590.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	923.428.814	1.606.238.995
	<hr/> 32.065.370.016	<hr/> 33.700.064.007

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	3.549.653.507	3.812.333.872
Chi phí khấu hao	221.987.982	295.629.775
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	17.062.162.282	16.303.002.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.879.879.275	7.035.108.689
Chi phí bán hàng khác	7.518.053.565	14.147.464.115
	<hr/>	<hr/>
	36.231.736.611	41.593.538.559

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	21.668.829.730	24.831.595.303
Chi phí khấu hao	2.017.091.221	1.813.186.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.642.425.644	12.163.903.399
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	973.420.243	5.576.943.303
	<hr/>	<hr/>
	37.301.766.838	44.385.628.993

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	15.102.003.017	19.176.999.855
Chi phí nhân viên	64.500.749.589	80.997.247.070
Chi phí khấu hao	34.370.912.466	37.760.501.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.314.437.386	53.446.521.322
Chi phí khác	38.199.106.120	44.486.648.723
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	13.999.731.287	10.460.838.593
Dự phòng thiếu trong những năm trước	31.032.908	-
	<hr/> 14.030.764.195	<hr/> 10.460.838.593
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	109.667.659	121.225.011
	<hr/> 14.140.431.854	<hr/> 10.582.063.604

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	135.677.401.574	122.089.969.939
	<hr/> 27.135.480.315	<hr/> 24.417.993.988
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	27.135.480.315	24.417.993.988
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.543.571.283	953.149.513
Dự phòng thiếu trong những năm trước	31.032.908	-
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(14.569.652.652)	(14.789.079.897)
	<hr/> 14.140.431.854	<hr/> 10.582.063.604

(*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào các công ty con.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Lợi nhuận phân phối	6.320.859.800	101.133.756.800
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	287.384.589.622	257.912.818.092
Lợi nhuận được chia	11.879.097.530	12.810.520.243
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i>		
Bán hàng hóa	537.216.743.646	447.424.845.476
Lợi nhuận được chia	28.349.525.079	28.144.693.033
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i>		
Bán hàng hóa	486.598.565.883	380.389.579.380
Lợi nhuận được chia	13.079.612.054	13.477.944.199
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i>		
Bán hàng hóa	197.446.357.323	168.550.495.549
Lợi nhuận được chia	709.259.441	3.789.301.975
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i>		
Bán hàng hóa	540.012.488.763	386.405.871.337
Lợi nhuận được chia	11.768.497.809	14.351.872.968
<i>Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G</i>		
Mua hàng hóa	-	20.378.877.000
Lợi nhuận được chia	7.062.271.346	1.371.067.067
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	55.068.146.544	41.821.755.268
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	40.571.012.160	31.908.256.584
<i>Chi Nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i>		
Bán hàng hóa	28.890.004.034	22.629.794.049

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Xăng dầu Bắc Thái Bán hàng hóa	23.558.385.861	17.086.401.464
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc – Công ty Xăng dầu Khu vực I Bán hàng hóa	23.933.559.170	18.430.488.781
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La – Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình Bán hàng hóa	23.091.375.084	17.612.343.324
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang Bán hàng hóa	24.237.549.272	20.271.137.972
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Bán hàng hóa	121.348.098.470	85.804.606.268
Hội đồng Quản trị Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch Thù lao	203.280.963	-
Ông Vũ Hồng Khánh – Ủy viên Thù lao	11.858.056	-
Ông Phan Phương Anh – Ủy viên Thù lao	142.296.674	162.055.844
Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên Thù lao	142.296.674	162.055.844
Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc (từ 1/12/2021) Lương và thưởng	738.956.987	810.279.219
Ông Vũ Hồng Khánh – Tổng Giám đốc (đến 1/12/2021) Lương và thưởng	927.593.687	1.157.541.741
Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	712.064.565	810.279.219
Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	712.064.565	810.279.219
Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	712.064.565	810.279.219

CỘNG
HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
KPH
LIÊN

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	668.253.577	699.867.545
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng Lương và thưởng	362.894.797	-
Ban Kiểm soát Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban Thù lao	712.064.565	810.279.219
Bà Lê Thị Hải – Thành viên Thù lao	495.396.537	566.305.036

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

31 -03- 2022

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

